**Business Requirement Document**

**(BRD)**

**Dự án: Xây dựng hệ thống bán hàng online cho 1 cửa hàng thời trang**

**10/2025**

**Phiên bản 0.1**

**1. Lịch sử chỉnh sửa tài liệu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày | Phiên bản | Thay đổi tài liệu |
| 01/10/2025 | 0.1 | Bản thảo đầu tiên |

**2. Phê duyệt**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vai trò | Họ tên | Chức danh | Chữ ký | Ngày |
| Project Sponsor | Trần Xuân Tuấn | Giám đốc | Tuấn | 01/10/2025 |
| Product Owner | Lê Hoàng Giang | Sinh viên- Người đề xuất dự án | Giang | 01/10/2025 |
| Project Manager | Nguyễn Trọng Trung | Quản lý phụ trách dự án | Trung | 01/10/2025 |
| Client | Trần Quang Anh | Chủ cửa hàng | Anh | 01/10/2025 |

**3. Giới thiệu**

**3.1 Tóm tắt dự án**

3.1.1 Đối tượng

Dự án “Xây dựng hệ thống bán hàng online cho cửa hàng thời trang” được thực hiện nhằm giúp cửa hàng sở hữu một nền tảng thương mại điện tử hiện đại, hỗ trợ việc giới thiệu và kinh doanh sản phẩm trực tuyến.  
Mục tiêu tổng thể của dự án là xây dựng một website cho phép cửa hàng quản lý toàn bộ hoạt động bán hàng — bao gồm sản phẩm, khách hàng và đơn hàng — một cách tập trung, đồng bộ và chính xác.  
Giải pháp được kỳ vọng sẽ tích hợp và tương thích với các nền tảng thanh toán điện tử (Momo, ZaloPay, VNPay…) và có khả năng mở rộng, liên kết với hệ thống quản lý kho, báo cáo doanh thu và các công cụ marketing trong tương lai.

3.1.2 Bối cảnh

Hiện tại, cửa hàng thời trang đang quản lý sản phẩm, khách hàng và đơn hàng bằng phương pháp thủ công qua Excel.  
Cách làm này gây ra nhiều khó khăn: sai sót trong tổng hợp dữ liệu, thiếu đồng bộ, tốn thời gian kiểm tra hàng tồn, và không có kênh bán hàng trực tuyến chính thức.  
Trong bối cảnh hành vi tiêu dùng chuyển mạnh sang online, cửa hàng cần triển khai một hệ thống bán hàng trực tuyến để nâng cao doanh thu, mở rộng tệp khách hàng và gia tăng nhận diện thương hiệu trên môi trường số.

3.1.3 Động lực kinh doanh

Tài chính: Doanh thu hiện tại thấp do chưa có kênh bán online, chi phí quản lý tăng vì phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công.

Vận hành: Quản lý dữ liệu rời rạc, khó kiểm soát hàng tồn, tình trạng đơn hàng, và lịch sử khách hàng.

Thị trường: Cạnh tranh trong ngành thời trang ngày càng mạnh, xu hướng mua sắm online ngày càng phổ biến.

Thương hiệu: Thiếu hiện diện trực tuyến khiến cửa hàng kém thu hút với nhóm khách hàng trẻ — nhóm có sức mua lớn nhất.

**3.2 Phạm vi dự án**

Dự án “Xây dựng hệ thống bán hàng online cho cửa hàng thời trang” được thực hiện trong phạm vi nguồn lực, ngân sách và thời gian do các bên liên quan phê duyệt.  
Phạm vi của dự án bao gồm việc phân tích yêu cầu, thiết kế, xây dựng, kiểm thử và triển khai hệ thống bán hàng trực tuyến ở quy mô một cửa hàng đơn lẻ.  
Dự án không bao gồm việc phát triển ứng dụng di động, mở rộng sang nhiều chi nhánh hoặc tích hợp với các hệ thống ERP phức tạp.

3.2.1 Trong phạm vi

Bao gồm các bước:

- B1: Khảo sát và phân tích yêu cầu:

Phỏng vấn chủ của hàng để xác định quy trình nghiệp vụ hiện tại.

Thu thập, phân tích yêu cầu từ người dùng cuối (Admin, Nhân viên, Khách hàng).

Xây dựng tài liệu yêu cầu nghiệp vụ (BRD) và tài liệu yêu cầu phần mềm (SRS).

- B2: Thiết kế hệ thống

* Thiết kế sơ đồ Use Case, DFD, ERD mô tả quy trình và luồng dữ liệu.
* Xây dựng mô hình chức năng và mô tả chi tiết các module hệ thống.

- B3: Phát triển & kiểm thử

Phát triển website bán hàng với các chức năng:

Quản lý sản phẩm (phân loại, tồn kho).

Quản lý khách hàng (đăng ký, đăng nhập, cập nhật thông tin).

Quản lý đơn hàng (giỏ hàng, thanh toán, theo dõi trạng thái, thông báo).

Báo cáo doanh thu (ngày/tháng/quý, sản phẩm bán chạy, tỷ lệ hoàn đơn).

Kiểm thử hệ thống và sửa lỗi phát sinh.

- B4: Triển khai và đào tạo

Triển khai website trên hosting của cửa hàng.

Hướng dẫn sử dụng cho nhân viên quản lý và Admin.

Bàn giao tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật và tài liệu đào tạo.

3.2.2 Ngoài phạm vi

Phát triển ứng dụng mobile (Android/iOS).

Tích hợp hệ thống ERP hoặc POS của bên thứ ba.

Tự động hóa marketing (email campaign, quảng cáo đa kênh).

Chức năng quản lý kho vật lý và vận chuyển liên kết với đối tác logistics.

Tích hợp AI chatbot hoặc hệ thống gợi ý sản phẩm thông minh.

Các thay đổi lớn về giao diện hoặc chức năng phát sinh sau khi bản SRS được duyệt.

3.2.3 Giả định

Các giả định được xác lập trong quá trình lập kế hoạch nhằm đảm bảo phạm vi và tiến độ dự án khả thi.  
Nếu một hoặc nhiều giả định dưới đây thay đổi, phạm vi và ngân sách dự án có thể cần được xem xét lại.

- Nguồn dữ liệu sẵn có: Cửa hàng sẽ cung cấp đầy đủ dữ liệu về sản phẩm, khách hàng và đơn hàng hiện có (dưới dạng file Excel hoặc CSV) để phục vụ cho quá trình nhập liệu ban đầu.

- Phạm vi người dùng: Dự án phục vụ cho một cửa hàng đơn lẻ, chưa áp dụng cho mô hình chuỗi nhiều chi nhánh.

- Nguồn lực kỹ thuật: Cửa hàng đã có hoặc sẽ chuẩn bị sẵn tên miền, hosting và tài khoản thanh toán online (Momo, ZaloPay, VNPay...) trước khi triển khai.

- Sự hợp tác của bên liên quan: Chủ cửa hàng hoặc người quản lý sẽ sẵn sàng tham gia các buổi khảo sát, xác nhận yêu cầu và nghiệm thu đúng tiến độ.

- Thay đổi yêu cầu: Mọi thay đổi trong yêu cầu sau khi BRD được phê duyệt sẽ được xử lý theo quy trình Change Request, có thể kéo dài thời gian hoặc phát sinh chi phí bổ sung.

- Năng lực người dùng: Người dùng cuối (Admin, nhân viên bán hàng) có kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và Internet.

3.2.4 Rủi ro

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã rủi ro** | **Mô tả rủi ro** | **Mức độ ảnh hưởng** | **Biện pháp giảm thiểu** |
| **R1** | Dữ liệu ban đầu không đầy đủ hoặc sai định dạng, gây lỗi khi nhập hệ thống. | Cao | Yêu cầu xác minh dữ liệu trước khi triển khai; hỗ trợ chuẩn hóa dữ liệu mẫu. |
| **R2** | Khách hàng thay đổi yêu cầu trong quá trình phát triển. | Cao | Tổ chức buổi duyệt BRD chính thức; áp dụng quy trình quản lý thay đổi. |
| **R3** | Thiếu nhân sự kỹ thuật nội bộ tại cửa hàng để vận hành hệ thống sau bàn giao. | Trung bình | Cung cấp tài liệu hướng dẫn chi tiết và buổi đào tạo sử dụng. |
| **R4** | Rủi ro bảo mật dữ liệu khách hàng khi tích hợp thanh toán online. | Trung bình | Sử dụng nhà cung cấp cổng thanh toán uy tín, tuân thủ chính sách bảo mật. |
| **R5** | Trễ tiến độ do phản hồi chậm từ phía cửa hàng hoặc bên phát triển. | Trung bình | Lên lịch họp check-in định kỳ hàng tuần; thống nhất đầu mối liên hệ chính. |
| **R6** | Ngân sách không đủ nếu yêu cầu mở rộng hoặc phát sinh tính năng mới. | Cao | Giới hạn phạm vi rõ ràng; tách giai đoạn mở rộng thành Phase 2. |

**3.3 Tiến độ dự án**

Giai đoạn 1: Hoành thành việc phân tích yêu cầu khách hàng trước ngày 02/10/2025

Giai đoạn 2: Thiết kế hệ thống hoàn thành trước ngày 31/10/2025

|  |  |
| --- | --- |
| Vai trò | Mô tả trách nhiệm |
| Quản lý dự án (Project Manager) | Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, theo dõi và đảm bảo dự án được triển khai đúng tiến độ, ngân sách và phạm vi đã xác định. Là đầu mối liên hệ giữa nhóm phát triển và các bên liên quan khác. |
| Phân tích nghiệp vụ (Business Analyst - BA) | Thu thập, phân tích và đặc tả yêu cầu từ phía khách hàng. Là cầu nối giữa người dùng và nhóm kỹ thuật, đảm bảo hệ thống được thiết kế đáp ứng đúng nhu cầu kinh doanh. |
| Khách hàng/Chủ cửa hàng | Là người sở hữu cửa hàng bán hàng online. Cung cấp thông tin về sản phẩm, chính sách bán hàng, quy trình nghiệp vụ và xác nhận các yêu cầu chức năng của hệ thống. |
| Trưởng phòng kinh doanh | Phối hợp với BA để xác định nhu cầu quản lý đơn hàng, doanh thu, và báo cáo thống kê phục vụ hoạt động kinh doanh. |
| Nhóm phát triển (Developer Team) | Thực hiện thiết kế, lập trình và triển khai hệ thống theo yêu cầu được phê duyệt. |
| Người dùng cuối (End User) | Là khách hàng truy cập website để xem sản phẩm, đặt hàng và thanh toán. Cung cấp phản hồi trong quá trình kiểm thử và sử dụng hệ thống. |

**4 Yêu cầu kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giá trị** | **Mức độ** | **Mô tả** |
| **1** | **Quan trọng** | - Hệ thống cho phép **quản lý sản phẩm**: thêm, sửa, xóa, cập nhật thông tin (tên, giá, mô tả, hình ảnh, số lượng tồn). - **Quản lý đơn hàng**: theo dõi toàn bộ quá trình từ đặt hàng đến giao hàng. - **Đăng ký/đăng nhập tài khoản** cho khách hàng và quản trị viên. - **Chức năng giỏ hàng** cho phép thêm, sửa, xóa sản phẩm trước khi thanh toán. |
| **2** | **Cao** | - **Thanh toán trực tuyến** qua các cổng như Momo, VNPay, thẻ ngân hàng. - **Tìm kiếm và lọc sản phẩm** theo tên, loại, giá, thương hiệu. - **Quản lý thông tin khách hàng** và lịch sử mua hàng. |
| **3** | **Trung bình** | - **Quản lý khuyến mãi, mã giảm giá** và chương trình ưu đãi. - **Thống kê doanh thu**, sản phẩm bán chạy, số lượng đơn hàng theo thời gian. - **Quản lý đánh giá và bình luận sản phẩm** từ khách hàng. |
| **4** | **Thấp** | - **Hiển thị sản phẩm nổi bật**, sản phẩm mới nhất hoặc gợi ý sản phẩm tương tự. - **Gửi email thông báo** khi có khuyến mãi hoặc đơn hàng được xử lý. - **Trang giới thiệu và liên hệ** với cửa hàng. |
| **5** | **Tương lai** | - **Tích hợp chatbot tư vấn tự động** hỗ trợ khách hàng. - **Kết nối và chia sẻ sản phẩm lên mạng xã hội** (Facebook, Instagram…). - **Chương trình khách hàng thân thiết** và tích điểm mua hàng. |

**4.1 Yêu cầu chức năng**

- **Module 1**: Quản lý sản phẩm (bao gồm FR-001 và FR-002)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã yêu cầu** | **Mức độ** | **Mô tả** | **Tham chiếu Use Case** | **Các bên bị ảnh hưởng** |
| **FR-001** | 1 | Hệ thống cho phép **thêm mới sản phẩm**, bao gồm tên, giá, mô tả, hình ảnh, số lượng tồn kho và danh mục sản phẩm. | UC-01: Quản lý sản phẩm | Quản trị viên |
| **FR-002** | 1 | Hệ thống cho phép **chỉnh sửa, cập nhật, xóa sản phẩm** khi có thay đổi thông tin hoặc sản phẩm ngừng kinh doanh. | UC-01: Quản lý sản phẩm | Quản trị viên |

- **Module 2**: Quản lý đơn hàng (bao gồm FR-003 và FR-004)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã yêu cầu** | **Mức độ** | **Mô tả** | **Tham chiếu Use Case** | **Các bên bị ảnh hưởng** |
| FR-003 | 1 | Hệ thống cho phép khách hàng đặt hàng thông qua giỏ hàng, bao gồm chọn sản phẩm, nhập thông tin giao hàng và xác nhận đơn. | UC-02: Đặt hàng | Khách hàng |
| FR-004 | 1 | Quản trị viên có thể xem, cập nhật trạng thái đơn hàng (đang xử lý, đã giao, đã hủy) và theo dõi chi tiết đơn hàng. | UC-03: Quản lý đơn hàng | Quản trị viên |

- **Module 3**: Quản lý tài khoản người dùng (bao gồm FR-005 và FR-006)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã yêu cầu | Mức độ | Mô tả | Tham chiếu Use Case | Các bên bị ảnh hưởng |
| FR-005 | 1 | Hệ thống hỗ trợ đăng ký tài khoản mới cho khách hàng với các thông tin cơ bản như họ tên, email, mật khẩu, số điện thoại. | UC-04: Đăng ký tài khoản | Khách hàng |
| FR-006 | 1 | Hệ thống cho phép đăng nhập và đăng xuất tài khoản, đồng thời bảo mật thông tin người dùng. | UC-05: Đăng nhập hệ thống | Khách hàng |

- **Module 4**: Chức năng giỏ hàng và thanh toán (bao gồm FR-007 và FR-008)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã yêu cầu | Mức độ | Mô tả | Tham chiếu Use Case | Các bên bị ảnh hưởng |
| FR-007 | 1 | Hệ thống cho phép khách hàng thêm, xóa, chỉnh sửa số lượng sản phẩm trong giỏ hàng trước khi thanh toán. | UC-06: Quản lý giỏ hàng | Khách hàng |
| FR-008 | 2 | Hệ thống hỗ trợ thanh toán trực tuyến qua các cổng như Momo, VNPay hoặc thẻ ngân hàng. | UC-07: Thanh toán | Khách hàng |

**- Module 5:** Tìm kiếm, khuyến mãi và thống kê (bao gồm FR-009 đến FR-011)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã yêu cầu | Mức độ | Mô tả | Tham chiếu Use Case | Các bên bị ảnh hưởng |
| FR-009 | 2 | Hệ thống cung cấp chức năng tìm kiếm sản phẩm theo tên, danh mục, giá hoặc thương hiệu. | UC-08: Tìm kiếm sản phẩm | Khách hàng |
| FR-010 | 3 | Quản trị viên có thể tạo và quản lý các chương trình khuyến mãi, mã giảm giá cho sản phẩm. | UC-09: Quản lý khuyến mãi | Quản trị viên |
| |  | | --- | | **FR-011** | | |  | | --- | | 3 | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | |  | | --- | |  |  |  | | --- | | Hệ thống hiển thị báo cáo doanh thu và thống kê đơn hàng theo thời gian. | | | |  | | --- | | UC-10: Thống kê doanh thu | | Quản trị viên |

**4.2 Yêu cầu Phi chức năng**

|  |  |
| --- | --- |
| Mã | Yêu cầu |
| NFR-001 | Hiệu năng: Hệ thống phải có khả năng xử lý tối thiểu 100 yêu cầu truy cập đồng thời mà không gây gián đoạn hoặc lỗi phản hồi. |
| NFR-002 | Thời gian phản hồi: Thời gian tải của mỗi trang không vượt quá 3 giây trong điều kiện mạng bình thường. |
| NFR-003 | Bảo mật: Tất cả thông tin người dùng (mật khẩu, email, dữ liệu thanh toán) phải được mã hóa và bảo vệ theo chuẩn HTTPS. |
| NFR-004 | Khả năng tương thích: Hệ thống phải hoạt động ổn định trên các trình duyệt phổ biến (Chrome, Edge, Firefox, Safari) và trên cả thiết bị di động. |
| NFR-005 | Khả năng sao lưu và phục hồi: Dữ liệu hệ thống (sản phẩm, đơn hàng, người dùng) phải được sao lưu tự động hàng ngày và có thể phục hồi trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự cố. |